

Số: 17/2018/QĐST-HNGĐ

Ba Đồn, ngày 26 tháng 3 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 137/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn: anh Nguyễn Văn B – sinh năm 1968

Địa chỉ: tổ dân phố M, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị đơn: chị Trương Thị H – sinh năm 1975

Địa chỉ: tổ dân phố M, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện: ông Trịnh Ngọc K – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Duy P – Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện tham gia tố tụng được uỷ quyền lại: Ông Trần Duy H1, Giám đốc Phòng giao dịch Chợ Ba Đồn thuộc Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Văn bản uỷ quyền số 48/NHNoQT ngày 02/3/2018.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 59, 60, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Nguyễn Văn B và chị Trương Thị H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh B và chị H thống nhất quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là Nguyễn Tiến Đ – sinh ngày 25/4/2003. Sau khi ly hôn giao con chung cho chị Trương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn B có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) kể từ tháng 4/2018 cho đến khi con tròn 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: Hai bên thống nhất vợ chồng có tài sản chung là nhà gắn liền diện tích 202m² tại tổ dân phố M, phường T, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình đứng tên Nguyễn Văn B và Trương Thị H, đã được Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch trước đây cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 098324 ngày 08/7/2010 trị giá 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*).

Vợ chồng anh B, chị H còn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền 325.462.500 đồng (*Ba trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng*) chưa trả, trong đó nợ gốc 300.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 15/3/2018 là 25.462.500 đồng.

- Về phân chia tài sản chung: Hai bên thống nhất giao toàn bộ nhà và quyền sử dụng thửa đất nói trên cho chị Trương Thị H sở hữu, sử dụng, chị H không phải giao tiền chênh lệch tài sản cho anh Nguyễn Văn B. Chị Trương Thị H có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ 325.462.500 đồng (*Ba trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng*) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 16/3/2018 cho đến khi trả hết nợ gốc cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

- Về án phí: Hai bên thống nhất anh Nguyễn Văn B chịu trách nhiệm nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn và 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002036 ngày 24 tháng 11 năm 2017, anh B đã nộp đủ tiền án phí theo quy định.

Chị H phải nộp 613.437 đồng (*Sáu trăm mười ba nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng*) tiền án phí chia tài sản đối với giá trị tài sản được hưởng sau khi trừ đi số nợ phải trả để sung vào công quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày thỏa thuận thuận tình ly hôn (ngày 16/3/2018) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ba Đồn;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Các đương sự;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Diệu